

DI TÍCH KHẢO CỔ HỌC THỜI TIỀN SỬ MUỘN Ở LƯU VỰC SÔNG VÀM CỎ - ĐẶC TRƯNG, NIÊN ĐẠI VÀ QUAN HỆ VĂN HÓA(*)

NGUYỄN QUỐC MẠNH*

Lưu vực sông Vàm Cỏ nằm trên không gian chuyển tiếp giữa miền Đông và Tây Nam Bộ. Nơi đây có một hệ thống các di chỉ thời tiền sử qua các giai đoạn: hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ đồng đến thời đại sắt phát triển (4.000 - 2.000 BP) và tiếp tục kéo dài sang đầu Công nguyên. Kết quả nghiên cứu khảo cổ học đã dần xác lập được các giai đoạn phát triển trong thời tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ, từ thềm đất cao phù sa cổ xuống chiếm lĩnh và phát triển trên miền đồng bằng thấp phù sa mới. Mỗi giai đoạn có những đặc trưng văn hóa nổi bật phản ánh diện mạo môi trường tự nhiên và đời sống xã hội của cư dân cổ. Các di tích khảo cổ học thời tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển chuyển tiếp sang thời sơ sử ở miền Tây Nam Bộ và đánh dấu sự kết thúc của thời tiền sử, đóng góp tích cực vào quá trình hình thành văn hóa đô thị sớm ở Nam Bộ vào đầu Công nguyên.

Từ khóa: Vàm Cỏ, tiền sử muộn, đô thị sơ khai, văn hóa Óc Eo

Nhận bài ngày: 28/8/2024; *đưa vào biên tập:* 29/8/2024; *phản biện:* 05/9/2024; *duyet đăng:* 11/9/2024

1. DẪN NHẬP

Lưu vực sông Vàm Cỏ là một phân vùng quan trọng của Nam Bộ, được cấu thành bởi sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây bắt nguồn từ địa bàn tỉnh Prei Vieng (Campuchia) chảy vào lãnh thổ Việt Nam ở tỉnh Tây Ninh và Long An, theo hướng tây bắc - đông nam, đến ngã ba Bần Quý (huyện Tân Trụ) thì hợp lưu vào sông Soài Rạp và đổ ra biển ở khu vực Cần Giò. Vùng đất nằm trên không gian chuyển tiếp giữa miền Đông và Tây Nam Bộ có một hệ thống các di chỉ

thời tiền sử qua các giai đoạn: hậu kỳ đá mới - sơ kỳ đồng (4.000 - 3.500BP: An Sơn I, Lộc Giang, Dinh Ông, Bà Đạo); đồng thau phát triển (3.500 - 3.000 BP: An Sơn II, Động Canh Nông, Rạch Núi); hậu kỳ đồng - sơ kỳ sắt (3.000 - 2.500BP: Lò Gạch, Gò Cao Su I, Gò Ô Chùa I, Rạch Rừng, Cỏ Sơn Tự, Gò Đình); sắt phát triển (2.500 - 2.000 BP: Gò Cao Su II, Gò Ô Chùa II, Cỏ Sơn Tự, Gò Duối, Gò Hàng I, Gò Dung I...). Các di tích Gò Ô Chùa, Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đế, Vĩnh Châu A... tiếp tục kéo dài sang giai đoạn Óc Eo sớm vào đầu Công nguyên.

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Các di tích khảo cổ học thời đại Kim khí trên địa bàn lưu vực sông Vàm Cỏ được xem là nền tảng của bước phát triển chuyển tiếp từ thời tiền sử sang thời sơ sử cũng như đánh dấu sự kết thúc của thời tiền sử, góp phần quan trọng vào quá trình hình thành văn hóa đô thị sớm và văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ vào đầu Công nguyên.

2. ĐẶC ĐIỂM CỎ MÔI TRƯỜNG VÙNG ĐẤT LƯU VỰC SÔNG VÀM CỎ GIAI ĐOẠN 3.000 - 2.000BP

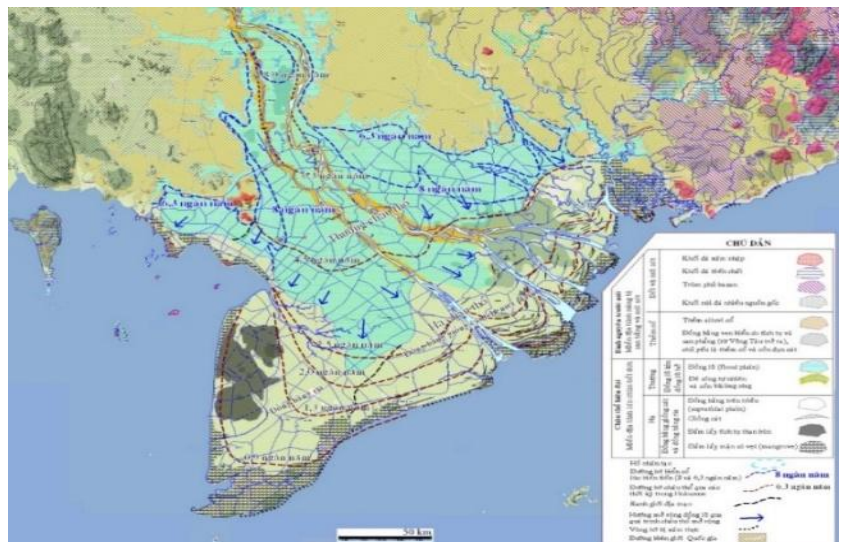
Đặc điểm phân bố các di tích khảo cổ học thời tiền sử ở Nam Bộ chịu sự tác động mạnh mẽ từ dao động hạ thấp dần của mực nước biển thời kỳ Flandrian và quá trình bồi tụ tạo thành đồng bằng châu thổ vào đầu Công nguyên. Kết quả nghiên cứu địa chất cho thấy mực nước biển vào khoảng 4.300BP đã đạt mức hạ đến +3m (so với mực nước biển chuẩn) và đạt đến +2m (khoảng 2.900BP), miền đồng bằng châu thổ

sông Cửu Long dần lộ rõ, các giồng cát ven biển cao khoảng +4m đến +5m, các tuyến đê ven sông Tiền và sông Hậu cũng nổi cao hơn +2,5m (Liêu Kim Sanh, 1985: 76). Lúc này, rìa của thềm phù sa cổ phân bố men theo phía bắc

của Vàm Cỏ vòng qua phía bắc Đồng Tháp Mười đến vùng núi sót ở miền tây sông Hậu (Bảy Núi, Hà Tiên).

Từ 2.800 - 2.400BP, nước biển tiếp tục hạ đến mức +1,5m, đẩy nhanh tốc độ bồi lắng phù sa về phía nam và phía tây. Đường bờ biển giai đoạn này ở Sóc Trăng, Trà Vinh, Mỹ Tho, Bến Tre nằm dưới dạng các giồng cát (Nguyễn Ngọc Hoa và Lê Ngọc Lệ, 2007: 11). Các cửa sông, đầm lầy ngập mặn bao quanh Đồng Tháp Mười và phần lớn miền tây sông Hậu tiếp tục duy trì đến 2.000BP, nước biển tiếp tục hạ xuống đến - 0,5m (từ đầu Công nguyên đến 350AD) (Phan Huy Xu và Trần Văn Thành, 1985: 70, 71). Hệ thống gò - giồng cát dọc theo hữu ngạn sông Vàm Cỏ Tây đến rìa phía bắc của Đồng Tháp Mười (các huyện Mộc Hóa, Tân Hưng, Vĩnh Hưng (Long An), Tân Hồng, Hồng Ngự (Đồng Tháp) là dấu tích các cửa sông và bờ biển cổ, có cao độ khoảng

Bản đồ các đường bờ biển cổ ở Nam Bộ



Nguồn: Lê Xuân Thuyền, 2017.

+1 đến +3m (Thạch Phương và Lưu Quang Tuyền, 1989: 125, Bùi Phát Diệm và nnk., 2001: 56), nó cũng dần biến Đồng Tháp Mười từ một vịnh biển trở thành đồng lũ kín có lối thoát ra biển Đông theo sông Vàm Cỏ - Soài Rạp ở cửa Cần Giờ, trong khi đó đồng bằng miền tây sông Hậu tiếp tục mở rộng và duy trì hình thái của đồng bằng lũ hờ, thông với vịnh Thái Lan.

3. ĐẶC TRƯNG DI TÍCH

3.1. Đặc trưng phân bố di tích

Đặc điểm phân bố các di tích thời tiền sử muộn ở lưu vực Vàm Cỏ có sự tương thích với đặc điểm phân bậc địa hình theo từng giai đoạn phát triển mở rộng không gian sinh sống và những chuyển biến kinh tế - xã hội theo 3 nhóm sau:

Nhóm thứ nhất: phân bố trên địa hình thềm cao phù sa cổ dọc theo sông Vàm Cỏ Đông, tiêu biểu có di tích Rạch Heo, Gò Cao Su... có niên đại từ khoảng 2.700 - 2.500BP đến 2.200 BP). Tiêu biểu cho nhóm di tích ở phân bậc này là Gò Cao Su có tầng văn hóa dày 1,6 - 1,7m gồm hai lớp văn hóa cư trú sớm - muộn, nổi bật với các loại vật dụng gốm sinh hoạt bằng chất liệu gốm thô cát màu xám ghi lẫn xám vàng, gốm bã thực vật mịn áo màu nâu đỏ trang trí hoa văn khắc vạch, văn xoắn, ấn mép vỏ sò trên vành miệng tương tự gốm thô ở Lò Gạch, Gò Ô Chùa (Vàm Cỏ Tây) cũng như đồ gốm ở nhóm di tích ngập mặn, cận biển của miền Đông Nam Bộ (ND11⁽¹⁾, Long Bửu, Giồng Cá Vồ,

Giồng Lớn).

Nhóm di tích thứ hai: phân bố trên các gò đất là thềm phù sa cổ ven sông Vàm Cỏ Tây như Cổ Sơn Tự, Gò Đình, Lò Gạch, Gò Ô Chùa, Gò Duối... (2.700 - 2.000BP). Trong đó, di tích Lò Gạch là loại hình di chỉ cư trú - xưởng có hai lớp văn hóa sớm - muộn, thuộc giai đoạn hậu kỳ Kim khí với niên đại vào khoảng 2.500 - 2.200 BP (Bùi Văn Liêm, 2008: 43). Những kết quả nghiên cứu mới gần đây cho thấy niên đại sớm nhất của di tích này vào khoảng 2.800 - 2.750 BP (Lê Hoàng Phong và nnk., 2015: 69). Nổi bật nhất là di tích Gò Ô Chùa được xác định là di chỉ cư trú và cư trú - xưởng thủ công ở giai đoạn 1, sau đó chuyển thành khu mộ táng có niên đại 2.700 - 2.000 BP kéo dài sang đầu Công nguyên.

Nhóm di tích thứ 3: các di tích phân bố trên phân bậc thấp nhất là các gò - giồng cát xám ở phía bắc của vùng đất trũng thấp thuộc Đồng Tháp Mười như di tích Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đế, Gáo Miếu, Gò Vĩnh Châu A, Tráp Gáo Miếu... có niên đại khoảng 2.200 - 1.800 BP, nổi bật với các di chỉ cư trú có hoạt động chế tác thủ công. Đồ trang sức được tìm thấy có số lượng lớn, phong phú về loại hình, đa dạng về chất liệu (đá quý, kim loại, thủy tinh) liên quan đến hoạt động trao đổi thương mại quốc tế.

3.2. Đặc trưng loại hình di tích

* Di chỉ cư trú

Khảo cổ học đã xác định được ba nhóm loại hình di chỉ cư trú đặc trưng

với mặt ruộng xung quanh) gồm các di tích phân bố ở hữu ngạn sông Vàm Cỏ Tây đến rìa phía bắc Đồng Tháp Mười (Rạch Rừng, Gò Chùa, Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đế...). Các giồng cát này là dấu tích của cửa sông cổ trên không gian thấp trũng đặc trưng của đồng bằng châu thổ. Trong lớp tích tụ văn hóa cư trú của di tích Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đế đều có phát hiện những "lớp sạn". Tại di tích Vĩnh Châu A có nhiều cọc gỗ được tìm thấy bên cạnh than tro và đồ gốm (Bùi Phát Diệm và nnk., 2001: 97-101).

Di chỉ cư trú giai đoạn cuối của thời tiền sử muộn với cách thức cư trú trên nhà sàn cột gỗ vừa có đặc điểm loại hình di vật (đồ gốm, đồ đất nung, dụng cụ lao động - đánh bắt) thể hiện quan hệ chặt chẽ với các di tích ở vùng cao của lưu vực sông Vàm Cỏ, vừa mang những đặc trưng riêng thể hiện khả năng thích ứng cao trong quá trình tiến xuống chinh phục miền đồng bằng thấp, khẳng định khả năng định cư lâu dài trên vùng đất mới.

Đặc trưng nổi bật trong các di chỉ cư trú này là có rất nhiều các vật phẩm trang sức có nguồn gốc ngoại nhập và nhiều nguyên liệu, phế phẩm liên quan đến hoạt động chế tác thủ công tập trung cao độ cho thấy chúng mang diện mạo của các làng - xưởng phát triển mạnh trao đổi giao lưu, là những trung tâm tập trung cư dân có dáng dấp của đô thị sơ khai phát triển ở vùng cửa sông cổ.

* **Di tích mộ táng** được phát hiện trong các di tích thời tiền sử muộn ở

lưu vực sông Vàm Cỏ như Rạch Rừng, Gò Ô Chùa và Gò Duối là những di tích vừa cư trú vừa mộ táng có nhiều giai đoạn phát triển liên tục diễn biến từ khoảng 2.700 - 2.000BP.

Mộ táng ở Rạch Rừng được phát hiện do việc đào kênh, tư liệu được thu thập qua khai quật chừa cháy và sưu tầm, gồm 8 mộ huyết đất còn di cốt người khá nguyên vẹn cùng đồ gốm và vòng trang sức bằng đá, niên đại vào khoảng đầu thiên niên kỷ I BC (Vương Thu Hồng, 1991: 165). Qua so sánh đặc điểm loại hình học của vòng trang sức đá và đồ gốm cho thấy vùng đất thấp này đã có con người sinh sống ngay từ rất sớm.

Mộ huyết đất phát hiện ở các di tích Gò Ô Chùa (68 mộ) và Gò Duối (3 mộ), đều thuộc lớp văn hóa muộn ở các di tích, có huyết đào cắt xuống lớp cư trú tích tụ sớm hơn ngay bên dưới. Các ngôi mộ có hướng đầu chủ yếu quay về phía đông bắc - tây nam, phần lớn chôn người trưởng thành trong tư thế duỗi thẳng - bó xác với các loại đồ tùy táng như đồ gốm (nồi, vò, bát bồng), vũ khí (rìu đồng, giáo sắt, mũi lao và mũi tên bằng xương - sừng), nhạc cụ (chuông đồng), dọi xe chỉ, xương hàm động vật... và các loại hình đồ trang sức rất đa dạng làm bằng xương - sừng - ngà voi, đá quý, thủy tinh, kim loại... Đồ tùy táng thường được để dọc bên vai - hông là vũ khí, nhạc cụ, đồ trang sức, trên đầu là nồi, vò; hai bên dưới chân và trên cẳng chân là các loại đĩa, bát bồng. Xương hàm động vật cũng thường đặt

cạnh bên đầu hoặc bên chân. Hiện tượng đồ gốm đập vỡ rải mộ cũng phổ biến (Nguyễn Xuân Mạnh, 2007: 44). Táng thức mộ huyết đất giai đoạn này đã có đặc điểm tương tự, đã xuất hiện và phổ biến ngay từ thời đại đồng thau khi phát hiện trong mộ huyết đất ở di tích An Sơn (Vàm Cỏ), Cù Lao Rùa, Gò Me (Đồng Nai). Riêng hình thức có chôn theo xương hàm động vật cùng với người chết là một tư liệu mới được tìm thấy trong mộ táng Gò Ô Chùa trong bối cảnh văn hóa tiền - sơ sử ở Nam Bộ.

Loại hình mộ vò phát hiện ở Gò Ô Chùa gồm 7 ngôi mộ nằm trong lớp văn hóa sớm của di tích. Các mộ này chôn trẻ em, sử dụng quan tài là loại vò lớn hình cầu có chân đế, được đặt đứng, trên có đồ đựng nhỏ hơn (bát hoặc chậu gốm) úp lên làm nắp đậy. Bên trong có di cốt song thường không có đồ tùy táng, mộ duy nhất có đồ tùy táng là 2 chiếc vòng trang sức bằng xương, 1 xương hàm chó (06GOC.TS.F10), bên ngoài có xương động vật lớn (Nguyễn Xuân Mạnh và nnk., 2007: 44; Bùi Chí Hoàng và nnk, 2015: 152-153).

* **Di chỉ xương** phát hiện phổ biến trong các di tích tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ với những di vật đặc trưng như dọi xe chỉ, vật gia trọng, khuôn đúc đồng, dụng cụ rót kim loại, các đoạn xương - sừng đang chế tác, bàn xoa và nguyên liệu làm gốm...

Khuôn đúc đồng phát hiện ở di tích Lò Gạch (3 mảnh), Gò Cao Su (22 mảnh khuôn), Gò Ô Chùa (9 mảnh) đều là

loại khuôn hai mang bằng đất nung với hình vật đúc là các loại vũ khí (rìu đồng, mũi tên) và dụng cụ lao động (đục). Tại di tích Lò Gạch còn có 1 dụng cụ rót kim loại trong lớp văn hóa sớm và gần với 1 mảnh khuôn đúc rìu đồng. Bên cạnh đó, các loại vật dụng bằng đồng thau cùng loại hình và kích cỡ cũng được tìm thấy trong di chỉ cư trú và mộ táng ở đây (Gò Ô Chùa) là bằng chứng cụ thể cho thấy chúng được chế tác cho nhu cầu sử dụng của cư dân tại chỗ bên cạnh khả năng dùng cho trao đổi.

Nghề dệt vải cũng được xác định qua các hiện vật dọi xe chỉ tìm thấy rất nhiều ở Gò Ô Chùa (356 hiện vật) cũng như ở Gò Duối (6 hiện vật), Gò Cao Su (6 hiện vật). Dọi xe chỉ đều làm bằng đất nung có hình nón cụt có lỗ xuyên thẳng chính giữa. Riêng ở di tích Gò Cao Su còn tìm thấy 1 khối gia trọng sử dụng trong nghề dệt tương tự như ở di tích Dốc Chùa có niên đại 2.700 - 2.500BP, nơi đã tìm thấy 7 khối gia trọng làm bằng đá và 449 dọi xe sợi (Đặng Ngọc Kính, 2011: 234). Số lượng dọi xe sợi được phát hiện là khá lớn cũng như phổ biến trong nhiều di tích đã khẳng định vai trò quan trọng của nghề dệt và nhu cầu sử dụng vải trong đời sống sinh hoạt của các cộng đồng cư dân cổ ở miền Đông Nam Bộ nói chung, lưu vực sông Vàm Cỏ vào thời kỳ tiền sử muộn.

Đồ xương - sừng tìm thấy phổ biến trong các di tích Gò Cao Su, Lò Gạch, Gò Ô Chùa, Gò Duối qua số lượng

lớn công cụ mũi nhọn, mũi tên cùng với nhiều đoạn/mảnh xương - sừng - ngà đang ở các công đoạn chế tác khác nhau bằng nhiều kỹ thuật được cưa, đục, khoan, mài... Hoạt động gia công chế tác cùng với rất nhiều thành phẩm thuộc nhiều loại hình khác nhau gắn liền với hầu hết mọi hoạt động sống của cư dân cổ ở lưu vực sông Vàm Cỏ, là đặc trưng nổi bật của vùng văn hóa này trong thời tiền sử muộn.

Ở nhóm di tích thuộc giai đoạn sắt phát triển ở rìa Đồng Tháp Mười (Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đẽ...) có những dấu hiệu của hoạt động gia công chế tác đồ trang sức bằng kim loại đen (chì - thiếc), thể hiện qua một số hiện vật như khối nguyên liệu thiếc (Gò Hàng, 1 hiện vật) cùng với nhiều xỉ kim loại, các phế phẩm trang sức bằng kim loại thiếc - chì, những sản phẩm còn bavia. Dấu vết xỉ thủy tinh, nền đất cháy lẫn sỏi sạn, lớp cát có mặt vàng... và số lượng rất lớn các loại hình trang sức bằng đá quý, thủy tinh, kim loại thiếc - chì cho thấy khả năng đây là các trung tâm trao đổi, chế tác đồ trang sức có quy mô lớn vào thời đại sắt sang đầu Công nguyên, tương tự như các di tích Khao Sam Kaeo, Phu Khao Thong, Ban Don Ta Phet (miền nam Thái Lan).

Như vậy, ở các di tích tiền sử muộn trên thềm phù sa cổ như Gò Cao Su, Lò Gạch, Gò Duối... diễn ra các hoạt động chế tác thủ công rất phát triển và đa dạng. Diện mạo của hoạt động chế

tác nơi đây mang những đặc điểm gần gũi với các di chỉ xưởng thủ công ở miền Đông Nam Bộ như Cù Lao Rùa, Dốc Chùa, Mỹ Lộc. Trong đó, di tích Gò Cao Su có nghề luyện kim - đúc đồng và nghề dệt cùng tồn tại với hoạt động chế tác xương - sừng ở mức độ chuyên môn hóa cao. Tuy nhiên, các di chỉ xưởng còn lại thường có quy mô nhỏ, đa dạng song chưa có sự chuyên môn hóa như các di tích tiền sử muộn ở lưu vực sông Đồng Nai (Đồi Phòng Không, Bưng Bạc, Bưng Thơm). Điểm khác biệt giữa các di chỉ cư trú - xưởng chế tác thủ công giữa các di tích ở hai vùng đất này có lẽ do yếu tố đặc thù địa phương, liên quan đến nguồn nguyên liệu, môi trường sống và phương thức sống thường ngày của cộng đồng cư dân ở mỗi vùng - khu vực khác nhau. Ngoài ra, điều kiện thổ nhưỡng phù sa cổ giàu ô xít sắt với tính a xít cao ở vùng thềm đất cao miền Đông Nam Bộ khiến cho các loại vật chất hữu cơ như xương, sừng khó tồn tại sau hàng ngàn năm cũng là lý do không tìm thấy đồ xương trong các di tích thời tiền sử ở đây.

Đối với các di tích có niên đại muộn hơn phân bố trên các gò - giồng cửa sông (cổ), nằm ở rìa phía bắc của Đồng Tháp Mười ngày nay, có những dấu hiệu khá rõ nét về hoạt động chế tác và trao đổi đồ trang sức các loại trên quy mô lớn. Sự khác biệt này cho thấy những chuyển biến mạnh mẽ trong cấu trúc kinh tế - xã hội cư dân vùng Vàm Cỏ vào giai đoạn này với

sự tham gia tích cực vào hoạt động thương mại quốc tế, bao gồm trở thành trung tâm chế tác sản phẩm cung cấp cho nhu cầu trao đổi giữa các cộng đồng xa - gần.

4. ĐẶC TRƯNG DI VẬT

* **Vòng trang sức đá** phát hiện trong các di tích Gò Đình (1 hiện vật), Rạch Rừng (9 hiện vật), Lò Gạch (5 hiện vật) và Gò Ô Chùa (1 hiện vật), đều được làm bằng đá phiến sừng hạt mịn (phtanite) màu xám đen có vân xám trắng và trong tình trạng chế tác hoàn thiện với bề mặt được mài nhẵn láng toàn thân. Sơ đồ vòng tay đá phổ biến loại vòng hình đĩa với hai mặt vát cân tạo rìa sắc cạnh (tiết diện hình tam giác), kể đến là vòng có bản hẹp được mài vuông vắn (tiết diện hình chữ nhật hoặc gần hình vuông). Tại di tích Gò Ô Chùa tìm thấy 1 tiêu bản lõi vòng bằng đá tương tự chất liệu các tiêu bản vòng nói trên, được chế tác bằng kỹ thuật khoan tách lõi với hướng khoan từ cả hai mặt.

Vòng đá và lõi vòng trong các di tích tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ có đặc điểm thống nhất với hiện vật cùng loại phát hiện ở các di tích tiền sử muộn ở miền tây sông Hậu (Gò Cây Tung, An Phú) và vùng ngập mặn miền Đông Nam Bộ (Bưng Bạc).

* **Đồ xương - sừng** là nét đặc trưng nổi bật trong tổ hợp di vật ở các di tích tiền sử muộn thuộc lưu vực sông Vàm Cỏ. Sự có mặt số lượng lớn và đa dạng như vậy có lẽ do điều kiện tự nhiên - môi trường của vùng đất cận

sinh - cửa sông gắn liền với hoạt động khai thác nguồn lợi từ tự nhiên của cộng đồng cư dân nơi đây. Các loại dụng cụ, vật dụng bằng xương - sừng phổ biến trong nhiều di tích tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ như rìu, cuốc làm bằng mai rùa lớn, mũi tên, mũi nhọn, mũi lao cho đến búa đeo làm bằng xương thú, vòng trang sức làm từ vỏ sò lớn. Đáng chú ý, tại Gò Ô Chùa có 2 tiêu bản là thanh cần đàn làm bằng sừng hươu (1997: 1; 2008: 1) (Ngô Thế Phong và Bùi Phát Diệm, 2001: 33; Fredeliza Z. Campos và nnk., 2023: 145-152).

Việc chọn xương - sừng làm vật dụng sinh hoạt, đồ trang sức và công cụ lao động - đánh bắt trên thực tế đã rất phát triển ngay từ hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí. Rất nhiều vỏ sò - ốc, xương thú (heo rừng, hươu - nai, trâu - bò, khỉ, kỳ đà, cá sấu, rùa lớn bao gồm rùa biển, các loài cá nước lợ...) được tìm thấy ở di chỉ An Sơn, Lộc Giang đến Rạch Núi... đã được làm thành nhiều loại hình khuyên tai, hạt chuỗi, vòng tay bằng vỏ ốc biển, công cụ mũi nhọn, giáo bằng xương động vật, lưới câu bằng sừng hươu, rìu làm bằng mai rùa. Do vậy, có thể thấy việc chế tác và sử dụng đồ xương - sừng ở các di tích tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ là sự tiếp tục mang tính chất kế thừa mạnh mẽ từ truyền thống đã định hình từ lâu dài.

* **Khuôn đúc:** khuôn đúc đồng làm bằng đất nung là một đặc trưng riêng nổi bật của lưu vực sông Vàm Cỏ. Cho đến nay, tổng số hiện vật khuôn

đúc phát hiện trong di tích tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ là 34 hiện vật, phát hiện ở ba di tích Gò Cao Su (22 hiện vật), Lò Gạch (3 hiện vật) và Gò Ô Chùa (9 hiện vật). Những hiện vật này về cơ bản là loại khuôn đúc đồ đồng các loại rìu lưỡi xòe có cung lưỡi hình hyperbol và hòng tra cán hình lục giác (Lò Gạch, Gò Cao Su) được xem là đặc trưng của rìu đồng miền Đông Nam Bộ và rìu lưỡi xòe có thân hình thang và lưỡi gần ngang với đốc hình cánh én (hay “đuôi cá”) ở di tích Gò Ô Chùa gần gũi với rìu cùng loại phát hiện ở Bãi Cá Sóng (Cần Giờ, TPHCM), Giồng Lớn (Bà Rịa - Vũng Tàu) (Trương Đắc Chiến, 2017: 130-131). Ngoài ra còn có các loại vật đúc khác như mũi tên, đục, công cụ dạng thuổng...

Về loại hình, khuôn đúc có hai loại hình khác nhau: khuôn có mặt lưng cong lồi (tiết diện ngang hình chữ D) và khuôn có mặt lưng phẳng (tiết diện ngang hình chữ nhật). Về địa tầng, loại khuôn hình chữ D phát hiện trong di chỉ Gò Cao Su, lớp văn hóa sớm của di chỉ Lò Gạch và di tích Gò Ô Chùa; trong khi đó loại khuôn hình chữ nhật phát hiện trong lớp văn hóa muộn của di tích Lò Gạch và lớp văn hóa giai đoạn 2 của di tích Gò Ô Chùa. Trong đó, khuôn đúc hình chữ nhật ở Lò Gạch là một bộ khuôn hoàn chỉnh có hai mang úp khớp với nhau song hình vật đúc chỉ được thể hiện đầy đủ trên một mang, mang đối diện chỉ gia công phần lỗ đầu rót kim loại. Một mảnh khuôn đúc có tiết diện hình chữ

nhật ở Gò Ô Chùa được làm từ mảnh thân đồ đựng gốm kích thước lớn (chum/vò lớn) được ghè và mài vuông vắn, hai mặt đáy phẳng, trên mặt khuôn khắc chìm hình mũi tên/mũi lao. Sự khác biệt của hai loại khuôn đúc đồng trên đây liên quan đến chất lượng và mục đích của sản phẩm được chế tạo ra, trong đó loại khuôn hai mặt có vật đúc và tiết diện hình chữ D có thể tạo ra những sản phẩm chất lượng cao về sử dụng cũng như thẩm mỹ và gắn lâu dài với người sử dụng, thậm chí làm đồ tùy táng chôn theo (mang tính biểu tượng), gắn bó mật thiết với truyền thống văn hóa tiền sử Đông Nam Bộ.

* **Chạc góm** là loại hình đồ gốm được nặn bằng tay có hình trụ có các mấu nhỏ ở một đầu, một đầu loe tròn, rất phổ biến trong các di tích tiền sử muộn phân bố dọc theo Vàm Cỏ Tây như Cổ Sơn Tự, Lò Gạch (29.044 mảnh), Gò Duối (1.816 mảnh), Gò Ô Chùa (158.795 mảnh) cũng các di tích ở rìa Đồng Tháp Mười (Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đế...).

Chạc được làm bằng chất liệu gốm mịn trộn nhiều bã thực vật và vỏ trấu, màu đỏ nâu hoặc nâu xám, có ba loại chính: Loại 1 - chạc có thân hình trụ eo nhỏ ở giữa, hai đầu loe rộng (dài 12 - 13cm, đường kính hai đầu từ 11 đến 13cm); Loại 2 - chạc “mỏ neo” có thân hình trụ với một đầu xòe tròn - bẹt, đầu còn lại có ba ngạnh cụp xuống như hình chiếc mỏ neo (dài 11 - 12cm, đường kính thân khoảng 6 - 7cm); Loại 3 - chạc ba mấu nhọn có

thân hình trụ tròn, một đầu có ba mấu nhọn xòe ra ngoài kiểu chân kiềng, đầu còn lại loe tròn hình phễu dài 18 - 20cm, đường kính 4 - 4,5cm).

Chạc gốm có diễn biến loại hình tương đối rõ nét về đặc điểm kiểu dáng và kích thước, trong đó chạc loại 1 xuất hiện trong các di tích có niên đại sớm như Cổ Sơn Tự, chạc loại 2 có mặt ở di tích Lò Gạch và lớp văn hóa sớm của di tích Gò Ô Chùa. Chạc loại 3 phổ biến trong các lớp văn hóa muộn hơn ở Gò Ô Chùa và có xu hướng càng về các lớp văn hóa muộn thì kích thước càng thu nhỏ dần, trên thân có vân in, vân vạch.

Về chức năng của loại hình di vật đặc biệt này, các nhà nghiên cứu cơ bản thống nhất đây là một loại dụng cụ bằng gốm dùng làm chân kê, được sử dụng lâu dài và có sự biến đổi loại hình qua các giai đoạn sớm - muộn tương ứng thể hiện ở kiểu dáng và kích thước, kỹ thuật cũng như dấu vết chế tác và hoa văn trên đó. Tuy nhiên, chức năng cụ thể của chúng lại là một chủ đề còn nhiều ý kiến, cách lý giải khác nhau, trong đó nổi bật là các ý kiến cho rằng: Chạc gốm có chức năng như loại chân đèn với 3 chân/mấu nhọn cắm xuống đất, đầu loe tròn quay lên trên (Ngô Thế Phong và Bùi Phát Diệm, 2001: 30); 2) Chạc gốm là những vật kê trong lò nung (Nishimura, 2003); A. Reincker cho rằng đây là dụng cụ sử dụng trong nghề nấu muối khi chúng có sự tương đồng đáng ngạc nhiên với công cụ làm muối đồng dạng được tìm thấy trong các di

tích thời cổ đại ở Châu Âu và châu Phi (Nguyễn Xuân Mạnh và nnk., 2004: 20).

*** Đồ gốm**

Trên cơ sở hệ thống đặc điểm chất liệu, loại hình đồ gốm ở các di tích tiền sử muộn thuộc lưu vực sông Vàm Cỏ, có thể nhận diện sơ bộ phức hệ phát triển đồ gốm thời tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ qua các cột địa tầng chuẩn ở các di tích Gò Đình, Gò Cao Su, Lò Gạch, Gò Ô Chùa và Gò Hàng.

Trong tầng văn hóa di tích Lò Gạch, lớp văn hóa sớm (lớp 1) có đặc điểm cấu trúc địa tầng và di vật có sự tương đồng cao với các di tích Gò Cao Su 1, Rạch Rừng, Cổ Sơn Tự và gần gũi với di tích Gò Đình. Riêng di tích Gò Đình được xem là di tích có tính chất chuyển tiếp từ sơ kỳ đồng, phổ biến loại gốm pha cát mịn có áo màu nâu đỏ với các loại hình nôi, vò, bát bồng và hình thức trang trí hoa văn khắc vạch kết hợp ấn mép vỏ sò vốn đã xuất hiện và phổ biến trong các di tích sơ kỳ Kim khí ở thềm cao phù sa cổ như An Sơn, Lộc Giang, Động Canh Nông. Lớp văn hóa muộn (lớp 2) của di tích Lò Gạch có đặc điểm tương đồng với Gò Cao Su 2, Gò Ô Chùa 1, Gò Duối, Gò Hàng, nổi bật với loại gốm mịn đen và gốm mịn màu vàng cam bên cạnh loại chất liệu gốm thô cát lẫn bã thực vật màu xám ghi, xám vàng.

Đặc điểm loại hình gốm tiền sử muộn ở lưu vực Vàm Cỏ được phân biệt theo 3 giai đoạn.

+ Gốm giai đoạn 1: phổ biến hai loại gốm thô cát lẫn bã thực vật màu xám ghi, xám vàng và gốm bã thực vật xốp có áo màu nâu đỏ, xám nâu. Các hiện vật tiêu biểu gồm:

Miệng nổi, vò: là miệng của đồ đựng có thân hình cầu, dáng loe xiên với thành miệng cao và rộng bản, mép miệng bẻ gấp nhẹ vào trong tạo một gờ nhỏ bên trong vành miệng, phần lớn được làm bằng chất liệu gốm bã thực vật đặc trưng với áo màu xám nâu, nâu đậm, nâu vàng, gốm mịn cứng đặc trưng.

Miệng loe xiên cong, vành miệng gãy góc với thành miệng và vuốt cao, dáng đứng hoặc xiên nhẹ, mép miệng vuốt đơn giản.

Miệng khum cong, dáng đứng, bên ngoài thành miệng có những đường nổi nhỏ song song nhau. Phần cổ eo thắt gãy, vai tròn nở.

Miệng xiên khum với cổ eo cong thấp, dáng xiên vào trong. Trên mép miệng đắp tạo vành rộng bản và vuốt vát xiên thấp ra ngoài, trên đó thường trang trí văn vạch đồ án hình học, chữ J, chữ S kết hợp chấm dải và khắc lõng. Loại hình này được làm bằng chất liệu gốm bã thực vật xốp. đặc trưng ở di tích Gò Cao Su, Lò Gạch cũng như trong tầng văn hóa sớm di tích Gò Ô Chùa.

Miệng tô sâu lòng hoặc bát bồng có dáng loe xiên, trên thành miệng là một vành đứng tạo góc gãy tù, bên ngoài chỗ gãy góc có gờ nổi, là miệng của loại hình đồ đựng có thân hình cầu và bát bồng.

Miệng của loại hình tô sâu lòng có dáng loe xiên khum, thành miệng liền xuống đáy sâu lòng. Mặt ngoài từ dưới vành miệng xuống thân có dấu văn thừng đập.

Loại hình chân đế:

Phổ biến là loại chân đế loe choãi có đường kính lớn (cao 4,5 - 5,0cm; đường kính 25 - 28cm), số ít có đường kính nhỏ (khoảng 15cm), là chân đế của các loại đồ đựng có thân hình cầu.

Loại chân đế có dáng loe xiên, thành đứng với vành đế bẻ cong và mép vênh tròn (cao khoảng 5cm; đường kính 20cm).

+ Gốm giai đoạn 2: tiêu biểu với các loại đồ gốm mịn màu đen và gốm mịn áo nâu đỏ với các loại hình bát bồng, thố gốm, tô sâu lòng. Bên cạnh đó, loại gốm cát mịn lẫn bã thực vật có áo xám ghi và xám vàng đặc trưng của giai đoạn 1 tiếp tục phổ biến. Các hiện vật tiêu biểu gồm:

Bình hình cầu: có chất liệu gốm thô cát lẫn bã thực vật màu xám đen, nền áo màu xám trắng ngà lẫn vàng nhạt. Bình có kích thước lớn, được tìm thấy sử dụng làm quan tài chôn trẻ em. Kiểu dáng thuôn cao, miệng loe xiên thấp, cổ thắt, vai phình tròn thuôn xuôi, đáy sâu tạo dáng thân tổng thể hình trứng. Chân đế loe choãi cong, vành đế vuốt tròn đơn giản. Kích thước lớn: cao 33,8cm, đường kính miệng 28,3cm, đường kính thân 40,2cm.

Vò gốm vai gãy: gốm mịn, áo gốm vàng nhạt, xương gốm xám đen, mắt chân đế. Bình có miệng loe, thành

miệng cao, mép vê tròn. Vai gầy xiên, trên vai trang trí kiểu vạch sóng nước bằng que có nhiều mũi nhọn. Trên cổ vò gốm có hai vạch song song, phần thân dưới có áo rất xấu, còn dấu vết của một chân đế tròn.

Vò gốm vai xuôi làm bằng gốm mịn màu vàng cam, miệng đường kính lớn có dáng loe cong, đắp gờ nổi dày bên ngoài vành miệng và vuốt vát xiên. Cổ eo cong thuôn xuôi đều ở phần vai hơi phình rộng xuống gần đáy. Đáy bằng. Bề mặt ngoài đáy lên thân thường phủ kín dấu văn thừng đập mịn, vao lên cổ được miết láng. Kích thước phổ biến: cao 8 - 10cm; đường kính miệng 10 - 12cm; đường kính đáy 12 - 15cm.

Vò cổ thắt được làm bằng gốm mịn đen có áo màu xám trắng ngả hồng, miệng loe cong, cổ hình trụ thấp eo thắt nhỏ (đường kính 2,5cm). Thân vò phình tròn - dẹt, nở đáy, mặt đáy gần phẳng và có dấu văn thừng mờ. Kích thước: cao 10 - 11cm, đường kính thân 13 - 15cm, đường kính miệng 6 - 7cm.

Bát bông chân trụ làm bằng gốm đen mịn xương đen, bên ngoài có lớp áo màu xám trắng mốc, kích thước lớn: đường kính miệng 20 - 22cm; đường kính đế 18cm; cao 30 - 32cm. Cấu trúc gồm phần đồ đựng hình đĩa sâu lòng, lòng đáy được phủ lớp áo màu đen bóng, chân đế cao gồm hai phần thân đế hình trụ tròn và thành đế dáng loe xiên choãi.

Bát bông chân loe làm bằng gốm đen mịn, phần bát hình đĩa lòng nông lòng, đáy tròn, vành miệng rộng và

thường bẻ ngang ra ngoài hoặc bẻ lật xiên thấp ra ngoài, trên vành miệng thường có 1 - 2 đường chỉ chìm hoặc miết láng. Chân đế cao dáng loe từ đoạn nối với phần bát. Kích thước phổ biến: cao 18 - 20cm, đường kính miệng 24 - 25cm, đường kính đế 15 - 16cm.

Loại bát bông chân loe được làm bằng chất liệu gốm pha cát và nhuyễn thể, xương xám đen, độ dày trung bình, miệng cong khum nhẹ, mép miệng vê tròn, bên ngoài ấn rãnh, bao quanh hiện vật; ở giai đoạn sớm, rãnh này rộng và sâu, giai đoạn muộn hẹp và cạn dần, mép miệng cũng mỏng hơn. Đây là miệng của bát bông chân choãi.

Thố gốm làm bằng chất liệu sét pha cát và bã thực vật, áo gốm nâu đen, xương gốm đen, được phục chế nguyên. Chum có miệng loe xiên rộng, bên trong lòng miệng có gờ nổi, mép miệng vê tròn có gờ nổi nghiêng về phía ngoài, cổ có ba đường chỉ chạy vòng quanh, thân chạy dài xuống và cao, đáy bo tròn. Thân bị vỡ nhiều và được dán lại, đáy bị vỡ hai lỗ nhỏ. Cao 30cm, đường kính miệng 33,5cm.

+ Gốm giai đoạn 3 tiếp tục phổ biến loại hình bình, nôi, vò, các loại bát bông chân cao hình trụ tương tự như gốm có chất liệu cùng loại ở giai đoạn 2. Điểm khác biệt nổi bật là trong dòng gốm mịn có sự phổ biến của gốm mịn màu vàng cam với các loại hình như ly cốc chân cao, bình hình cầu, bình có vôi, nắp đậy hình đĩa có vành móc.

Loại gốm thô cát màu xám nâu, xám nâu vàng sử dụng làm các loại vật

dụng sinh hoạt như nồi hình cầu miệng loe xiên, tô sâu lòng có thành miệng dày, mặt trong khum, mặt ngoài vành miệng vát thấp ra bên ngoài; bếp lò có chân kê uốn hình mũi thuyền, hình “đầu cá sấu” (hay “mỏ vịt”) nổi bật với chân kê to dài, đầu bẹt, mặt trên phẳng thường. Đáng chú ý là loại hình nồi nhỏ hình bán cầu có miệng khum nhẹ phát hiện ở Gò Hàng có xương gốm dày và nặng tương tự với hiện vật cùng loại tìm thấy ở di tích Gò Cây Tung giai đoạn 2, Phum Quao, Gò Me - Gò Sành và Giồng Xoài (Nguyễn Quốc Mạnh, 2015: 91-94).

Loại gốm mịn đen chiếm số lượng lớn dùng làm các loại nồi, vò có thân hình cầu với miệng loe xiên, thành miệng vượt dày, loại hình bát bồng chân cao có đoạn giữa hình ống được trang trí hoa văn khắc vạch bằng que nhiều mũi thể hiện những đường ngang - dọc song song nhau hay 3 hình chữ S tỏa ra từ 1 tâm trong lòng đĩa của bát bồng có bề mặt được miết đen bóng; loại gốm hình mũ nấm (dụng cụ bàn xoa gốm hay nắp đậy) cũng được tìm thấy phổ biến. Loại gốm mịn màu vàng cam có số lượng không nhiều, gồm các loại hình ly cốc chân cao, tô sâu lòng hình bán cầu có miệng khum nhẹ. Nắp đậy hình đĩa gồm hai loại: loại có có vành móc lớn làm bằng gốm mịn màu vàng cam cùng với một núm nhỏ ở trung tâm ở di tích Gò Hàng, trong khi đó ở di tích Gò Ô Chùa phát hiện nắp đậy hình đĩa có vành móc làm bằng gốm mịn đen.

* **Đồ trang sức** được phát hiện với số lượng lớn trong các di tích tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ Tây đến rìa phía bắc Đồng Tháp Mười. Tập hợp đồ trang sức phát hiện được cũng rất đa dạng về chủng loại, loại hình cùng nguồn gốc xuất xứ, có niên đại từ khoảng 2.700 - 2.000 BP.

Di tích mộ táng Rạch Rừng có 9 nguyên bản vòng tay bằng đá phtanite được chế tác hoàn thiện, thuộc loại hình vòng hình đĩa có rìa mài sắc cạnh (tiết diện hình tam giác, hình chữ nhật). Mảnh vòng đá tương tự cũng tìm thấy trong di chỉ Lò Gạch (1 hiện vật), Gò Ô Chùa (1 mảnh).

Loại hình vòng bằng đá phtanite có rìa cạnh mài sắc cũng được phát hiện phổ biến ở miền tây sông Hậu (Gò Cây Tung, An Phú, Ốc Eo). Loại hình vòng trang sức cùng với công cụ đá có thân mài nhẵn với bề mặt cong lồi đặc trưng của các di tích tiền sử muộn ở miền Tây Nam Bộ, mang yếu tố văn hóa vùng cận biển.

Trong các di tích mộ huyết đất thuộc lớp văn hóa muộn của Gò Ô Chùa có tìm thấy 12 hạt chuỗi bằng đá garnet, 1 hạt chuỗi carnelian, 3 hạt chuỗi agate cùng với 10 hạt chuỗi thủy tinh. Ngoài ra, trong các di tích Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đế, Tráp Gáo Miếu, Vĩnh Châu A... cũng thu thập được rất nhiều đồ trang sức có nguồn gốc giao lưu có chất liệu đa dạng (garnet, nephrite, amethyst, crystal rock, carnelian, agate, thủy tinh, thiếc - chì, đồng thau vàng) với nhiều loại hình khác nhau (vật đeo, hạt chuỗi, vòng

trang sức) (Vương Thu Hồng, 2005: 814-834).

5. NIÊN ĐẠI VÀ QUAN HỆ VĂN HÓA

5.1. Niên đại

Niên đại phân tích bằng phương pháp C14 và C14 (AMS) của các di tích tiền sử muộn tiêu biểu ở lưu vực sông Vàm Cỏ lần lượt cho các chỉ số như sau:

Di tích Gò Cao Su có hai mẫu than gỗ phân tích cho kết quả lần lượt là $3.370 \pm 80BP$; $2.650 \pm 70BP$ (Vương Thu Hồng, 1997: 234-241); Di tích Lò Gạch có hệ thống các mẫu phân tích qua các lớp tích tụ văn hóa từ sớm đến muộn, cho một chuỗi niên đại kéo dài liên tục từ 2.700 cho đến 2.500 BP (Lê Hoàng Phong và nnk., 2016: 63-65).

Di tích Rạch Rừng có hai kết quả phân tích mẫu gỗ RR90-GO-01 và RR90-GO-02 cho niên đại lần lượt là $2.780 \pm 40BP$ và $2.800 \pm 45BP$ (Vương Thu Hồng, 1991: 165). Di tích Gò Ô Chùa cũng được thực hiện phân tích niên đại C14 khá đầy đủ ở các vị trí và lớp văn hóa sớm muộn khác nhau với tổng số 17 mẫu, cho kết quả lần lượt là $2.692 \pm 67 BP$ và $2.781 \pm 56 BP$ đến $2.211 \pm 67BP$ và kéo dài sang đầu Công nguyên (Nguyễn Xuân Mạnh và nnk., 2007; Vương Thu Hồng, 2007; Đặng Văn Thắng và nnk., 2008).

Di tích duy nhất trên rìa Đồng Tháp Mười là Gò Hàng có một mẫu than lấy ở độ sâu -2,5m phân tích C14 cho niên đại 1.970 ± 60 năm (Vương Thu Hồng, 1997: 238).

Từ kết quả nghiên cứu, so sánh đặc trưng loại di tích, di vật và không gian phân bố của các di tích tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ, xác lập một hệ thống các di tích tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ từ hậu kỳ đồng đến thời đại sắt, nghiên cứu đề xuất ba giai đoạn với niên đại đoán định gồm:

Giai đoạn 1 (2.700 - 2.500BP): Gò Cao Su 1 (Vàm Cỏ Đông), Cỏ Sơn Tự, Lò Gạch 1 (Vàm Cỏ Tây), Rạch Rừng (rìa Đồng Tháp Mười);

Giai đoạn 2 (2.500 - 2.200BP): Gò Cao Su 2 (Vàm Cỏ Đông), Lò Gạch 2, Gò Ô Chùa 1, Gò Duối 1 (Vàm Cỏ Tây);

Giai đoạn 3 (2.200 - 2.000 BP): Gò Ô Chùa 2, Gò Duối 2 (Vàm Cỏ Tây), Gò Hàng 1, Gò Dung, Gò Đế 1 (rìa Đồng Tháp Mười).

5.2. Di tích tiền sử muộn lưu vực sông Vàm Cỏ trong bối cảnh văn hóa tiền sử muộn ở miền Tây Nam Bộ

Ngay từ giai đoạn 1, Gò Cao Su ở lưu vực sông Vàm Cỏ Đông mang đặc trưng của tiểu vùng vùng Vàm Cỏ (từ An Sơn, Lộc Giang đến Gò Đình - Gò Nổi) và thuộc truyền thống văn hóa tiền sử Đông Nam Bộ, có quan hệ chặt chẽ với các di tích ở lưu vực sông Đồng Nai (Dốc Chùa, Suối Chồn), sông Sài Gòn và vùng cận biển miền Đông Nam Bộ (Long Bửu, Bưng Bạc, ND11, Giồng Cá Vồ). Không gian chuyển tiếp của vùng Vàm Cỏ được xem là nơi tiếp xúc và chuyển hóa rất mạnh các yếu tố văn

hóa của cả hai miền Đông và miền Tây Nam Bộ (Trần Anh Dũng và nnk., 1996: 222).

Các di tích Gò Cao Su và Lò Gạch có mối quan hệ đồng đại với những khu vực liền kề (Bùi Văn Liêm, 2008: 43). Tuy nhiên, nếu như di tích Gò Cao Su có quan hệ trực tiếp hơn với các di tích ở miền Đông Nam Bộ (Đặng Văn Thắng, 2009: 309-314) thì di tích Lò Gạch có mối quan hệ gần gũi với các di tích tiền sử muộn trên không gian thềm phù sa cổ thuộc vùng núi sót của miền tây sông Hậu như Gò Cây Tung, Phum Quao, Gò Me - Gò Sành... Từ đó, có thể thấy vào đỉnh cao của thời đại đồ đồng, trên vùng Vàm Cỏ đã có sự phân nhánh theo hai hướng phát triển Đông và Tây Nam Bộ gắn với hai dòng chảy Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây.

Một phức hệ phát triển tiền Óc Eo đến Óc Eo sớm được xác lập qua các di tích trên không gian chuyển tiếp giữa lưu vực sông Vàm Cỏ Tây và Đồng Tháp Mười có ba giai đoạn: Lò Gạch - Gò Ô Chùa - Gò Hàng. Trong khi đó, qua đồ gốm mà di tích Gò Cao Su được xác định có cùng nguồn gốc với các di tích ở khu vực Cần Giở (Trần Anh Dũng và nnk., 2001: 87) và có thể xếp tương ứng với phức hệ phát triển văn hóa gồm 3 giai đoạn tương tự ở hạ lưu sông Đồng Nai là Long Bửu - Giồng Cá Vồ - Giồng Lớn.

Về mối quan hệ giữa lưu vực Vàm Cỏ và miền tây sông Hậu, ngay từ giai đoạn văn hóa 1, giữa hai vùng này đã có mối quan hệ chặt chẽ với nhau qua

các di tích Lò Gạch và Gò Cây Tung. Cả hai di tích đều là những di chỉ cư trú phân bố trên thềm đồi gò có thể đất cao gần bờ sông (cao độ khoảng +4m so với mực nước biển), tầng văn hóa dày (2-4m), kết cấu bởi các lớp nền gia cố đất đắp, xen giữa có các lớp tích tụ sinh hoạt, sản xuất và hoạt động chế tác thủ công có tính chất *làng - xưởng*, tích tụ trên nền cát pha - tầng sinh thổ.

Sưu tập vòng trang sức đá phtanite ở các di tích Rạch Rừng, Gò Ô Chùa, Lò Gạch có sự tương đồng cao về chất liệu và loại hình, kỹ thuật chế tác với vòng đá trong di tích tiền sử muộn Gò Cây Tung. Đặc điểm chung thống nhất giữa chúng là loại hình vòng hình đĩa phổ biến với rìa cạnh sắc (tiết diện hình tam giác), kỹ thuật chế tác là luôn được mài nhẵn hoàn chỉnh phác vật hình đĩa trước khi thực hiện công đoạn khoan tách lõi với kỹ thuật từ hai mặt lại. Loại vòng trang sức này rất gần gũi với vòng rộng bản bằng xương ở di chỉ Rạch Núi (Long An), vòng có bản nhỏ tiết diện hình chữ nhật tương tự loại vòng đá ở di chỉ An Sơn.

Đồ xương - sừng là một đặc trưng nổi bật của các di tích tiền sử muộn ở vùng Vàm Cỏ, phổ biến ngay từ sơ kỳ Kim khí (An Sơn, Lộc Giang, Rạch Núi) với những kỹ thuật chế tác đỉnh cao của thời đại Đá mới như cắt, khoan, cưa, mài, đánh bóng... (Vương Thu Hồng, 2008: 131). Trong nhiều di tích tiền sử muộn ở miền tây sông Hậu cũng tìm thấy nhiều hiện vật

bằng xương, sừng có dấu vết chế tác (sừng hươu được chặt thành đoạn ngắn, công cụ mũi nhọn bằng xương) hoặc được chế tác tại di chỉ Gò Cây Tung (Đặng Văn Thắng và nnk., 2009: 201).

Đồ gốm thô pha cát phổ biến trong giai đoạn văn hóa 1 và 2 thời tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ (Gò Cao Su, Lò Gạch) có đặc điểm gần gũi với loại gốm thô truyền thống Gò Cây Tung, Phum Quao, Giồng Xoài. Bên cạnh đó, đồ gốm mịn đen và gốm mịn màu vàng cam ở Gò Ô Chùa 2, Gò Hàng 1 cũng được tìm thấy phổ biến trong các di tích đồng đại ở miền tây sông Hậu như Gò Cây Tung lớp muộn, Phum Quao 2, Gò Me - Gò Sành 2, K9, Giồng Cu, Giồng Xoài với sự thống nhất từ chất liệu đến kiểu dáng, kỹ thuật chế tác và hình thức trang trí (Nguyễn Quốc Mạnh, 2015: 80-96). Loại vỏ gốm có kích thước lớn, miệng loe xiên có vành miệng đắp dày tạo gờ lớn bên ngoài, trên gờ vành miệng trang trí ấn lõm quanh vành miệng ở Lò Gạch cũng phổ biến ở Gò Cây Tung giai đoạn 1 (Bùi Văn Liêm, 2008: 41).

Trong giai đoạn văn hóa 2, đặc điểm phân bố và loại hình di tích giữa hai khu vực tiếp tục thể hiện mối quan hệ chặt chẽ với nhau, có sự tương đồng giữa hai vùng văn hóa trong quá trình lan tỏa xuống vùng đồng bằng thấp để hình thành nên hai hình thức cư trú trên nền đất đắp và cư trú trên kiến trúc nhà sàn ở rìa đồng bằng châu thổ trong buổi đầu hình thành. Nếu như

các di tích ở miền tây sông Hậu như K9, Giồng Cu, Xoa Áo, Giồng Xoài... phân bố giồng thấp, dọc theo các cửa sông cổ ở miền tây sông Hậu và vùng vịnh Rạch Giá - Hà Tiên thì ở lưu vực sông Vàm Cỏ, các di tích Lò Gạch, Gò Ô Chùa, Gò Duối, Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đế, Tráp Gáo Miếu, Vĩnh Châu A... cũng có đặc điểm phân bố tương tự. Sự thay đổi không gian phân bố và xuất hiện những yếu tố mới trong phương thức cư trú cho thấy khả năng thích nghi trong môi trường mới, bao gồm sự kết hợp - đan xen giữa các yếu tố truyền thống (cư trú đất đắp, đồ gốm thô, chế tác đồ xương, đồ trang sức bằng đá phiến) và yếu tố văn hóa mới (cư trú nhà sàn) cũng như sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng của các yếu tố văn hóa ngoại sinh có nguồn gốc chủ yếu do giao lưu và tiếp biến văn hóa (đồ gốm mịn, trang sức đá quý, thủy tinh, kim loại...).

Có thể thấy, giữa các nhóm di tích trên thềm cao phù sa cổ ở lưu vực sông Vàm Cỏ và miền tây sông Hậu có mối liên hệ chặt chẽ và trực tiếp với nhau. Đó là mối quan hệ truyền thống đã được định hình và phát triển từ hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí, khởi đi từ các di tích An Sơn, Lộc Giang, Dinh Ông ở lưu vực sông Vàm Cỏ.

6. KẾT LUẬN

Những thành tựu nghiên cứu về khảo cổ học tiền - sơ sử nói chung và thời tiền sử muộn nói riêng ở lưu vực sông Vàm Cỏ đã góp phần làm rõ bức tranh

lịch sử của một trong những thời kỳ quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Nam Bộ. Nghiên cứu đã làm rõ đặc trưng phân bố của các di tích thời tiền sử muộn theo xu hướng lan tỏa từ thềm cao phù sa cổ xuống rìa chuyển tiếp với đồng bằng trũng thấp phù sa mới ở vùng lưu vực sông Vàm Cỏ. Những chuyển biến của môi trường gắn liền với quá trình hạ thấp mực nước biển trong thời kỳ này không chỉ tạo điều kiện cho sự phát triển - mở rộng địa bàn, không gian sinh sống mà còn thúc đẩy quá trình trao đổi, giao lưu văn hóa giữa vùng đất này với các vùng, khu vực khác nhau. Đó là tiền đề quan trọng góp phần định hình nên những yếu tố mầm mống cho sự xuất hiện của các tổ chức cộng đồng cư dân mang tính chất đô thị sơ khai, bao gồm nghề chế tác thủ công phát triển

mạnh và việc tham gia ngày càng tích cực vào hệ thống trao đổi thương mại liên vùng và quốc tế của cư dân tiền sử muộn lưu vực sông Vàm Cỏ trong nửa cuối thiên niên kỷ I BC sang đầu Công nguyên.

Trên cơ sở các đặc trưng di tích - di vật được nhận diện, nghiên cứu cơ bản xác định phổ hệ phát triển của thời tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ qua ba giai đoạn là Gò Cao Su - Gò Ô Chùa - Gò Hàng, có niên đại lần lượt 2.700 - 2.500BP, 2.500 - 2.200BP và 2.200 - 2.000 BP. Mặc dù vậy, việc bổ sung tư liệu và nghiên cứu, phân tích - tổng hợp vẫn cần thực hiện tiếp tục trong thời gian tới để làm rõ hơn các khía cạnh khác nhau của vùng lưu vực sông Vàm Cỏ vào thời kỳ phát triển chuyển tiếp có tính chất bản lề trong bối cảnh văn hóa tiền - sơ sử Nam Bộ. □

GHI CHÚ

(*) Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu thuộc Đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu các di tích khảo cổ học thời tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ” do Nguyễn Quốc Mạnh làm chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ chủ trì.

(1) ND11 là tên của di tích ở huyện Bình Chánh (Nông trường Lê Minh Xuân) được đặt theo tên gọi của kênh ND11

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Chí Hoàng, Bùi Phát Diệm, Vương Thu Hồng. 2015. *Khảo cổ học Long An thời tiền sử*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
2. Bùi Phát Diệm, Đào Linh Côn, Vương Thu Hồng. 2001. *Khảo cổ học Long An những thế kỷ đầu Công nguyên*. Sở Văn hóa - Thông tin Long An, Bảo tàng Long An.
3. Bùi Văn Liêm. 2008. “Di chỉ Lò Gạch (Long An)”. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2, tr. 26-44.
4. Đặng Ngọc Kính. 2011. “Nghề dệt ở Đông Nam Bộ qua các phát hiện tại di tích Dốc Chùa và Phú Chánh (Bình Dương)”, trong *Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam* – Tập 4, tr. 232 - 242.

5. Đặng Văn Thắng - chủ nhiệm. 2009. *Những di tích khảo cổ học thời tiền Óc Eo ở Tây Nam Bộ*. Báo cáo tổng kết đề tài Khoa học Công nghệ cấp trọng điểm Đại học Quốc gia. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
6. Fredeliza Z. Campos, Jennifer R. Hull, Vương Thu Hồng. 2023. "In Search of a Musical past: Evidence for Early Chordophones from Vietnam", in *Antiquity* 2023 Vol. 97 (391): pp. 141-157.
7. Lê Hoàng Phong và nnk. 2015. *Báo cáo khoa học khai quật di tích khảo cổ học Lò Gạch (xã Vĩnh Trị, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
8. Lê Hoàng Phong, Nguyễn Nhật Phương. 2015. "Khai quật di tích Lò Gạch (Long An) lần thứ hai", trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2014*, tr. 719-721.
9. Liêu Kim Sanh. 1985. "Hải sâm, hải thoa xưa ảnh hưởng đến vùng đồng bằng Nam Bộ", trong kỷ yếu Hội thảo *Văn hóa Óc Eo và các nền văn hóa cổ ở Đồng bằng sông Cửu Long* năm 1984. Sở Văn hóa Thể thao tỉnh An Giang, Long Xuyên, tr. 74-85.
10. Ngô Thế Phong, Bùi Phát Diệm. 2001. *Báo cáo khai quật di chỉ Gò Ô Chùa năm 1997 (Hưng Điền A, Vĩnh Hưng, Long An)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
11. Nguyễn Ngọc Hoa, Lê Ngọc Lệ. 2007. "*Lịch sử hình thành địa chất tỉnh Bến Tre*". *Tạp chí số Khảo cổ học*, số 2, tr. 8-12.
12. Nguyễn Ngọc Quý, Bùi Văn Liêm. 2021. "Di tích Gò Duối trong bối cảnh tiền sử Long An". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2, tr. 28-37.
13. Nguyễn Quốc Mạnh. 2015. "Di tích tiền sử muộn ở An Giang - đặc trưng và niên đại". *Tạp chí Khoa học Xã hội TPHCM*, số 11, tr. 80-96.
14. Nguyễn Xuân Mạnh, Bùi Phát Diệm, Văn Ngọc Bích, Andreas Reinecke (2004). *Khai quật lần thứ II di chỉ Gò Ô Chùa (Long An)*, trong "Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2003". Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 287-292.
15. Nguyễn Xuân Mạnh, Đặng Hồng Sơn, Andreas Reinecke. 2007. *Địa điểm Gò Ô Chùa (Long An) với quá trình chuyển tiếp tiền Óc Eo lên Óc Eo ở Nam Bộ*. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 6, tr. 37-55.
16. Nguyễn Xuân Mạnh, Đặng Hồng Sơn, Andreas Reinecke. 2007. "Địa điểm Gò Ô Chùa (Long An) với quá trình chuyển tiếp tiền Óc Eo lên Óc Eo ở Nam Bộ". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 6, tr. 37-55.
17. Nishimura Masanari. 2003. *A Minor-Excavation at Co Son Tu in the Upper Vam Co Tay River, Long An, Vietnam*. In "Journal of Southeast Asia Archaeology", No.23, pp. 113-144.
18. Phan Huy Xu, Trần Văn Thành. 1985. "Đôi nét về quá trình thành tạo và phát triển của đồng bằng châu thổ sông Cửu Long", trong kỷ yếu Hội thảo *Văn hóa Óc Eo và các nền văn hóa cổ ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Sở Văn hóa tỉnh An Giang, Long Xuyên, tr. 66-73.
19. Thạch Phương, Lưu Quang Tuyền. 1989. *Địa chí Long An*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
20. Trần Anh Dũng, Bùi Văn Liêm, Nguyễn Đăng Cường, Vương Thu Hồng. 1996. "Khai quật di chỉ khảo cổ học Gò Cao Su (Long An)", trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1995*, tr. 220-222.

21. Trần Anh Dũng, Bùi Văn Liêm, Nguyễn Đăng Cường. 2001. “Khai quật di chỉ Gò Cao Su (Long An) lần thứ nhất”, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 4, tr. 70-93.
22. Trương Đắc Chiến. 2017. *Di tích Giồng Lớn và vai trò của nó với sự hình thành văn hóa Óc Eo ở vùng ven biển Đông Nam Bộ*. Luận án. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
23. Vương Thu Hồng. 1997. *Niên đại C14 của những di tích khảo cổ học tiêu biểu ở Long An*, trong “Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam” – Tập 1. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 234-241.
24. Vương Thu Hồng. 1991. “Niên đại C14 của 4 di tích Gò Sao, Gò Sáu Huấn, Bàu Công, Lập Điền (Đức Hòa, Long An)”, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1990*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 245-247.
25. Vương Thu Hồng. 2005. “Sưu tập hạt chuỗi bằng đá ngọc ở Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An”, trong *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam – Tập II*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 814-834.
26. Vương Thu Hồng. 2007. *Di tích văn hóa “tiền Óc Eo” ở Long An với mối quan hệ xa - gần trên vùng châu thổ sông Cửu Long*. Tạp chí Khảo cổ học, số 4, tr. 44-57.
27. Vương Thu Hồng. 2008. *Di tích Gò Ô Chùa (Vĩnh Hưng, Long An)*. Luận văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.